



MỘT SỐ NĂNG LỰC CHUYÊN BIỆT MÔN MĨ THUẬT TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

BẠCH NGỌC DIỆP - Email: bachdiep.vkh@gmail.com

TẠ KIM CHI - Email: takimchi1310@gmail.com

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Tóm tắt: Chương trình giáo dục phổ thông mới môn Mĩ thuật chú trọng tới một số năng lực cần phát triển cho học sinh trong suốt quá trình học tập. Những năng lực như: Năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp nghệ thuật, năng lực phân tích đánh giá, năng lực quan sát khám phá, năng lực tạo hình kĩ thuật số được thể hiện rất rõ trong mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập của học sinh, trong tài liệu học tập cũng như trong các hoạt động triển khai thực hiện chương trình giáo dục nghệ thuật. Từ đó, chương trình giáo dục phổ thông mới môn Mĩ thuật đảm bảo hình thành được năng lực môn học cũng như phát triển tốt năng lực cho học sinh trong thực tiễn cuộc sống.

Từ khóa: Năng lực chuyên biệt; môn Mĩ thuật; chương trình; giáo dục phổ thông.

(Nhận bài ngày 28/02/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 09/3/2017; Duyệt đăng ngày 25/5/2017).

1. Đặt vấn đề

Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) của nhiều nước chú trọng tới một số năng lực (NL) cần phát triển cho học sinh (HS) trong suốt quá trình học tập. Những NL này được đề cập bằng nhiều cách gọi khác nhau: NL chuyên biệt, NL đặc thù, NL chuyên môn học,... hoặc được diễn tả là kĩ năng (KN), kĩ thuật thể hiện; hành vi trước tình huống... Nhìn chung, đây là những NL thể hiện rõ đặc thù riêng của loại hình hoạt động.

Một số NL như: NL sáng tạo, NL giao tiếp, NL đánh giá (ĐG), NL tư duy tưởng tượng, NL quan sát, khám phá, NL tạo hình... đều có thể được hình thành và phát triển trong các môn học. Những NL được thể hiện rõ trong mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, ĐG kết quả học tập của HS, trong tài liệu học tập và trong các hoạt động triển khai thực hiện chương trình. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đề cập đến những NL chuyên biệt trong môn Mĩ thuật trong CTGDPT mới.

2. Một số năng lực chuyên biệt môn Mĩ thuật trong chương trình giáo dục phổ thông mới

2.1. Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

NL cảm thụ thẩm mĩ là mục tiêu chính của chương trình giáo dục (CTGD) nghệ thuật ở hầu hết các nước trên thế giới. Mặc dù mỗi nước có cách phát biểu khác nhau (khả năng cảm thụ thẩm mĩ; khả năng nhạy cảm nghệ thuật; xúc cảm nghệ thuật cá nhân...) nhưng đều đặt NL cảm thụ thẩm mĩ nằm trong mục tiêu của CTGD nghệ thuật.

NL cảm thụ thẩm mĩ được thể hiện ở một số khía cạnh: Khả năng nhận diện cái đẹp; Khả năng biểu cảm trước cái đẹp; Khả năng bình luận, ĐG cái đẹp; Khả năng vận dụng hiểu biết về cái đẹp vào cuộc sống. Có thể hiểu NL cảm thụ thẩm mĩ là khả năng cá nhân biểu đạt

thái độ, cảm xúc, cử chỉ, ngôn ngữ... một cách chân thực trước vẻ đẹp trong tác phẩm nghệ thuật và cuộc sống. Vận dụng sáng tạo và hiệu quả những hiểu biết về cái đẹp vào thực tế tạo môi trường thẩm mĩ lành mạnh.

NL cảm thụ thẩm mĩ còn được thể hiện ở con mắt nhận ra vẻ đẹp hình thức, kiểu dáng, màu sắc... trên các sản phẩm mĩ thuật ứng dụng; Phân biệt được cái đẹp, cái xấu trong tương quan; Có thị hiếu thẩm mĩ trong sáng; Thể hiện được phong cách ăn mặc phù hợp với thuần phong mĩ tục.

Trong môn Mĩ thuật ở nhà trường phổ thông, NL cảm thụ thẩm mĩ được ghi nhận bằng những biểu hiện của HS trong lựa chọn các tác phẩm nghệ thuật; cách thức biểu đạt sản phẩm; xây dựng ý tưởng, sắp xếp bố cục hình ảnh, màu sắc, đường nét... trong quá trình tạo hình cũng như thưởng thức tác phẩm. Trong cuộc sống, NL cảm thụ thẩm mĩ của HS còn được thể hiện ở khả năng lựa chọn trang phục; thực hiện lối sống sinh hoạt lành mạnh, ăn ở vệ sinh, ngăn nắp sạch sẽ hoặc tham gia những hoạt động làm đẹp môi trường cảnh quan.

2.2. Năng lực sáng tạo

Trong CTGDPT ở một số nước trên thế giới, NL sáng tạo được chú trọng hình thành và phát triển ở người học. Việc hình thành NL sáng tạo trong các CTGD đều hướng đến mục tiêu giúp người học năng động, sáng tạo trước những thay đổi của thực tiễn.

Người có NL sáng tạo luôn thể hiện cách nhìn vấn đề theo góc độ mới, có ý tưởng và giải pháp mới trong giải quyết các vấn đề cũ theo cách riêng, tạo được hiệu quả bất ngờ, vượt mong đợi. Đối với HS, NL sáng tạo được thể hiện trong quá trình học, cách thức thực hiện/vận dụng các giải pháp trong học tập, tạo được kết quả bất ngờ sau kết thúc một chu trình học tập gắn với tình

huống thực. Tuy khó để làm rõ các thành tố của NL sáng tạo nhưng có thể xem xét NL sáng tạo theo một số khía cạnh như: Khả năng xuất hiện ý tưởng mới; Khả năng tìm tòi, phát hiện cái mới trong cấu trúc cũ; Khả năng nhìn nhận vấn đề đa chiều; Khả năng điều chỉnh, đưa ra cách làm mới, tạo được hiệu quả bất ngờ trong công việc.

Trong chương trình môn Mĩ thuật ở Đan Mạch, NL sáng tạo được thể hiện và phát triển trong quá trình thực hành/ trải nghiệm mĩ thuật (HS có khả năng thể hiện bản thân (suy nghĩ, tình cảm, ý tưởng...) thông qua các hình phẳng (2D), hình không gian (3D) và hình kĩ thuật số; HS thử nghiệm và diễn đạt được nội dung sản phẩm mĩ thuật do mình tạo ra theo chủ đề...). Trong chương trình Mĩ thuật của Nga, NL sáng tạo được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát triển KN, được thể hiện bằng các hình ảnh: Tranh vẽ, nặn tượng. Trong *Những vấn đề trọng tâm của giáo dục Mĩ thuật phổ thông* (chương trình Mĩ thuật Canada/Quebec - 2004), NL sáng tạo được xác định thông qua các hoạt động phát triển trí tưởng tượng sáng tạo (hình ảnh, màu sắc, ý tưởng...). Trong chương trình Mĩ thuật của Bỉ, Pháp, việc cho phép HS tưởng tượng, hình dung và phát huy khả năng sáng tạo thông qua những tác phẩm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo nghệ thuật... để hình thành NL sáng tạo đã khẳng định trong mục tiêu môn học. Trong chương trình Mĩ thuật của Việt Nam, NL sáng tạo được thể hiện ở các yêu cầu về ý tưởng hình ảnh, sắp xếp bố cục hình ảnh, biểu đạt màu sắc trên hình ảnh cũng như lựa chọn phong cách thể hiện hình ảnh... NL sáng tạo còn được thể hiện ở việc: HS luôn xuất hiện các ý kiến, hành động kịp thời để xử lí các tình huống nảy sinh trong thực tiễn liên quan đến mĩ thuật; Thường xuyên thể hiện các ý tưởng mới, lạ, ấn tượng trong hoạt động văn hóa nghệ thuật; Gây được chú ý cho mọi người. NL này còn thể hiện ở khả năng hình tượng hóa nghệ thuật từ các tình huống giả định hoặc tình huống thực trong cuộc sống.

2.3. Năng lực giao tiếp nghệ thuật

Tại những nước phát triển, NL giao tiếp được đặc biệt chú trọng và thực hiện ở tất cả các môn học. Cụ thể: Chương trình Mĩ thuật ở Đan Mạch, NL giao tiếp được thể hiện ở kết quả đầu ra sau một giai đoạn học tập (HS giao tiếp/truyền thông/trao đổi/tiếp nhận thông tin thông qua các sản phẩm/tác phẩm mĩ thuật; HS biểu đạt, giao tiếp và tiếp nhận được ý tưởng và ý nghĩa của các sản phẩm/tác phẩm mĩ thuật); trong giáo dục Mĩ thuật ở Bỉ, NL giao tiếp nghệ thuật được thể hiện trong mục tiêu, phương pháp, nội dung dạy học. Chương trình Mĩ thuật ở Canada (Quebec) 2004 chú ý đến việc phát triển khả năng giao tiếp. Trong chương trình Mĩ thuật của Hàn Quốc 2007, khả năng giao tiếp được trình bày rõ trong đặc điểm môn học. Ở chương trình Singapore, HS thực hiện giao tiếp thông qua các hình thức nghệ thuật, các phương tiện truyền thông, ngôn ngữ và các bài viết... Như vậy, NL giao tiếp nghệ thuật được thể hiện thông

qua các tác phẩm/sản phẩm nghệ thuật, HS truyền đạt ý tưởng, ý nghĩa nội dung. HS hiểu và thực hiện giao tiếp để bày tỏ về vai trò quan trọng của giáo dục nghệ thuật trong sự phát triển toàn diện của cá nhân và cộng đồng. Chương trình môn Mĩ thuật phổ thông (Việt Nam) không xuất hiện NL giao tiếp nghệ thuật.

NL giao tiếp đặt trong bối cảnh môn Mĩ thuật thể hiện: Khả năng vận dụng ngôn ngữ nghệ thuật trong các tình huống liên quan đến Mĩ thuật; Khả năng vận dụng ngôn ngữ trong các mối quan hệ liên quan đến Mĩ thuật; Khả năng sử dụng các ngôn ngữ mĩ thuật để thực hiện giao tiếp tốt.

NL giao tiếp nghệ thuật liên quan đến việc sử dụng những thuật ngữ mĩ thuật (ý tưởng, hình ảnh, đường nét, màu sắc, bố cục, chất liệu...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường thực hiện giao lưu, chia sẻ ý tưởng, quan điểm nghệ thuật, phê bình nghệ thuật... NL này được thể hiện qua việc lắng nghe, phản hồi tích cực, chia sẻ các thông tin về nghệ thuật và tình huống thực tiễn.

2.4. Năng lực phân tích, đánh giá

NL phân tích ĐG nghệ thuật được đề cập chủ yếu trong phần thường thức mĩ thuật, nhận xét sản phẩm hoặc lựa chọn chất liệu, nội dung ý tưởng cho quá trình tạo hình. Chương trình Mĩ thuật các nước, NL phân tích ĐG thường đề cập ở mục tiêu môn học. Ví dụ, mục tiêu chương trình Mĩ thuật ở Canada (Quebec) - 2004 xác định: Tư duy thẩm mĩ của HS có được phát triển hay không, phụ thuộc vào NL phân tích, ĐG các tác phẩm nghệ thuật; Mục tiêu môn Mĩ thuật của Hàn Quốc (2007) và Việt Nam cho thấy NL phân tích ĐG được phát triển thông qua việc giúp HS tập phân tích sơ lược một số tác phẩm mĩ thuật trong nước và thế giới, biết vận dụng KN đó vào trong cuộc sống. CTGD nghệ thuật của Pháp, NL phân tích ĐG được đặt trong phần Lịch sử nghệ thuật và Nghệ thuật thực hành; coi sự phát triển sự nhạy cảm và khả năng biểu cảm của HS thuộc về NL nhận xét ĐG. Thông qua tiếp xúc với các công trình, phát triển khả năng quan sát, lắng nghe mô tả và so sánh.

NL phân tích, ĐG được thể hiện ở: Khả năng tìm hiểu, kết nối thông tin; Khả năng so sánh, nhận xét đối tượng; Khả năng bày tỏ quan điểm riêng.

Như vậy, có thể hiểu NL phân tích, ĐG là những ĐG của HS về các sự vật, hiện tượng dưới góc độ nghệ thuật. Có phản biện và bảo vệ được ý kiến riêng. Bên cạnh đó, NL nhận xét ĐG còn thể hiện ở khả năng tự ĐG của HS (HS đồng thời tự nhìn nhận, ĐG đúng về tiềm năng, tình cảm, sở thích, thói quen, điểm mạnh yếu của bản thân, trên cơ sở đối chiếu với chuẩn mực về nghệ thuật)

2.5. Năng lực quan sát, khám phá

Mĩ thuật là nghệ thuật của thị giác: Nhìn, nhận ra cái đẹp bằng con mắt, cảm nhận và khám phá đối tượng theo góc độ mĩ thuật. Chính vì vậy, quan sát - khám phá là tiền thân của sáng tạo nghệ thuật. Tuy nhiên, NL quan sát, khám phá trong giáo dục Mĩ thuật ở mỗi nước được



để cập ở góc độ khác nhau. NL quan sát, khám phá được thể hiện ẩn trong suốt quá trình học tập, mặc nhiên như là yêu cầu thiết yếu của môn học (phần này chỉ đề cập đến những NL đã được nêu rõ trong CTGD). NL quan sát khám phá sẽ giúp HS tìm hiểu các hiện tượng trong cuộc sống, phục vụ học tập.

NL quan sát khám phá được sử dụng trong môn Mĩ thuật giúp HS phát hiện vấn đề; nhận biết, tìm hiểu và so sánh đối tượng. Thông qua quan sát khám phá, phát triển khả năng cảm thụ thẩm mĩ. Trong CTGD Mĩ thuật ở Hàn Quốc, Pháp, Singapore, Nga, NL quan sát, khám phá được thể hiện khá rõ trong mục tiêu chương trình.

NL quan sát khám phá (môn Mĩ thuật) được biểu hiện ở: Khả năng nhận diện, so sánh đối tượng; Khả năng tìm hiểu cấu trúc đối tượng; Khả năng phát hiện đặc điểm riêng của đối tượng.

Đối với HS, NL quan sát trong quá trình học Mĩ thuật được thể hiện ở thói quen quan sát, khám phá những hiện tượng tự nhiên, xã hội; Chủ động tìm hiểu những cách thể hiện khác nhau trong nghệ thuật tạo hình; Bộc lộ sự say mê, thích thú trong quá trình quan sát, khám phá; Sản phẩm nghệ thuật phản ánh được nhiều góc nhìn về cuộc sống.

2.6. Năng lực tạo hình Media (tạo hình kĩ thuật số)

Các nước phát triển luôn coi trọng vai trò của quảng cáo trong cuộc sống. Vì vậy, việc tạo hình Media được xem là một phần quan trọng trong giáo dục nghệ thuật thị giác. Tạo hình Media giúp người xem: Hiểu và nắm được thông điệp bằng hình ảnh trong thời gian ngắn nhất; tiện ích cho mọi người ở mọi lúc mọi nơi; người tiêu dùng có thể xác định được nhu cầu của mình thông qua quảng cáo... Trong giáo dục Mĩ thuật, các ý tưởng hình ảnh được thể hiện dưới sự trợ giúp của ICT đó chính là tạo hình Media. Tạo hình Media giúp HS được tham gia xây dựng các video clip để truyền tải thông điệp, thực hiện giao tiếp và sử dụng hình ảnh để thể hiện bản thân.

CTGD nghệ thuật ở Bỉ xác định: NL tạo hình Media

có khả năng giúp HS hình thành KN sống. CTGD Mĩ thuật của Đan Mạch cũng xác định vai trò của tạo hình Media. Qua đó, HS được giao tiếp, có cơ hội truyền tải thông điệp và thể hiện bản thân. Ở các nước Canada (Quebec) - 2004, Pháp, Singapore, NL tạo hình Media được đề cập đến trong các mạch nội dung dạy học.

NL tạo hình Media được xem xét dưới các góc độ sau: Khả năng thể hiện hình ảnh động; Khả năng chọn lọc hình ảnh; Khả năng truyền tải thông tin của hình ảnh; Khả năng lôi cuốn người theo dõi.

Đối với HS phổ thông, NL ICT tạo cơ hội cho HS sáng tạo các câu chuyện từ hình ảnh kĩ thuật số, sử dụng các hình ảnh động, tạo hình cắt dán kĩ thuật số nhiều lớp...

3. Bảng tổng hợp các năng lực chuyên biệt môn Mĩ thuật của Việt Nam và một số nước trên thế giới

Qua Bảng 1, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

- Các NL nêu trên (đã chọn lọc) được thể hiện trong CTGD môn Mĩ thuật phổ thông của nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, những NL này xuất hiện không đồng đều trong giáo dục mỗi nước, chưa thấy hết khả năng phát triển của NL trong chương trình bộ môn. Một số NL không được liệt kê cụ thể nhưng nội hàm của NL lại được nhắc tới trong phần mục tiêu hoặc đề cập liên quan trong quy trình học tập, trải nghiệm sáng tạo (NL cảm thụ thẩm mĩ, NL quan sát khám phá). Trong khi đó, có một số NL được đề cập ở trong cả mục tiêu và nội dung (NL giao tiếp, NL phân tích ĐG, NL sáng tạo).

- NL cảm thụ thẩm mĩ; NL sáng tạo; NL phân tích, ĐG được quan tâm đặc biệt trong CTGDPT của nhiều nước.

- Các nước đạt thứ hạng cao trong những kì thi PISA hoặc các nước kinh tế phát triển đều rất quan tâm đến NL giao tiếp, NL tạo hình Media trong giáo dục nghệ thuật (Canada, Bỉ, Đan Mạch, Hàn Quốc, Pháp, Singapore). Ở Việt Nam, NL giao tiếp chủ yếu do môn Tiếng mẹ đẻ đảm nhiệm, các môn khác chỉ có tính chất hỗ trợ NL phát triển. Việt Nam đang trong thời kì hội nhập và phát triển

công nghệ thông tin nên những quảng bá hình ảnh hoặc gia tăng thương mại thông qua quảng cáo là cần thiết. Việc không chú trọng tới NL tạo hình Media trong nội bộ môn học, đề cập trong chương trình là khiếm khuyết lớn của giáo dục Mĩ thuật phổ thông. Tuy nhiên, đây cũng là một thách thức với điều kiện thực tế ở Việt Nam.

- Hiện nay, tại Việt Nam, NL quan sát, khám phá mới chỉ đề cập ở

Bảng 1: Tổng hợp các NL chuyên biệt môn Mĩ thuật của Việt Nam và một số nước trên thế giới

TT	Tên nước	NL cảm thụ thẩm mĩ	NL sáng tạo	NL giao tiếp nghệ thuật	NL phân tích, ĐG	NL quan sát, khám phá	NL tạo hình Media
1	Canada	X	X	X	X		X
2	Bỉ	X	X	X	X		X
3	Đan Mạch	X	X	X	X		X
4	Hàn Quốc	X	X	X	X	X	
5	Pháp	X	X		X	X	X
6	Singapore	X	X	X	X	X	X
7	Nga	X	X		X	X	
8	Việt Nam	X	X		X	+	

(Lưu ý: Dấu “X”: Thể hiện đầy đủ nội hàm NL; Dấu “+”: Thể hiện một phần NL)

phần quan sát, riêng phần khám phá chưa đề cập. Do vậy, các hoạt động học tập, phương pháp dạy học cũng như cách thức tổ chức dạy học bộ môn... có những hạn chế nhất định.

- Các NL được đưa vào chương trình môn học cần đảm bảo các yêu cầu: Phản ánh nội hàm môn học; Nhiều nội dung học tập cùng tham gia hình thành NL; Giải quyết được nhiều tình huống thực tiễn; Phát huy được nhiều phương pháp dạy học, phương tiện học tập.

NL được hình thành có thể hỗ trợ cho các môn học khác và đáp ứng mục tiêu giáo dục. Bên cạnh đó, NL chuyên biệt cần giúp người học phát triển năng khiếu, đáp ứng nhu cầu học tập riêng của mỗi cá nhân.

4. Đề xuất một số năng lực chuyên biệt môn Mỹ thuật trong chương trình giáo dục phổ thông sau 2015

Việc đưa các NL chuyên biệt môn học vào CTGDPT cần đặc biệt quan tâm và có định hướng ngay từ khi thiết kế chương trình (từ mục tiêu, vai trò đến các chủ đề học tập... NL chuyên biệt cần được đề cập một cách thích hợp, tường minh trong từng môn học cũng như các hoạt động giáo dục).

Tại Việt Nam, NL chuyên biệt môn Mỹ thuật trong CTGDPT (hiện hành), về cơ bản khá tương đồng với NL chuyên biệt môn Mỹ thuật của nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển NL, đặc biệt để phù hợp với những NL đã được xác định trong CTGD tổng thể (dự thảo), việc đề xuất, bổ sung một số NL chuyên biệt của môn học là cần thiết. Dưới đây, chúng tôi xin đề xuất một số NL chuyên biệt của môn Mỹ thuật trong CTGDPT sau 2015.

4.1. Năng lực đã có trong chương trình và tiếp tục kế thừa

NL đã có trong chương trình và tiếp tục kế thừa bao gồm: NL cảm thụ thẩm mỹ; NL sáng tạo hình ảnh; NL phân tích, ĐG.

4.2. Năng lực đề xuất và bổ sung

NL đề xuất và bổ sung bao gồm: NL giao tiếp nghệ thuật; NL quan sát, khám phá; NL tạo hình Media.

4.3. Một số lưu ý khi xây dựng năng lực chuyên biệt môn Mỹ thuật

- Xác định mục tiêu cụ thể của môn Mỹ thuật, nội dung học tập để xây dựng NL;

- Phân tích mối liên hệ giữa các NL với kiến thức, KN của môn Mỹ thuật; giữa các NL với nội dung chủ đề học tập, xác định NL hình thành cũng như vị trí của NL trong CTGD;

- Xác định các nội dung/chủ đề học tập có thể hình thành NL, xây dựng kế hoạch dạy học, nội dung dạy học từng lớp, phương pháp dạy học và kiểm tra ĐG kết quả học tập của HS trong chương trình.

- Phân tích các thành tố của NL làm cơ sở xây dựng chuẩn/yêu cầu cần đạt của NL.

4.4. Một số ví dụ năng lực chuyên biệt của học sinh được phát triển thông qua môn Mỹ thuật ở cấp phổ thông

	NL	Kết quả đầu ra
Giao tiếp thông qua sản phẩm/tác phẩm mỹ thuật	HS thực hiện giao tiếp bằng ngôn ngữ mỹ thuật, thông qua tác phẩm nghệ thuật; có khả năng trình bày và thể hiện thông tin hay các ý tưởng mỹ thuật. NL này được thể hiện qua việc lắng nghe, phản hồi tích cực, chia sẻ các thông tin về nghệ thuật và tình huống thực tiễn. HS hiểu được giáo dục Mỹ thuật có vai trò quan trọng trong sự phát triển toàn diện của cá nhân và góp phần phát triển cộng đồng.	HS lựa chọn nội dung và hình thức thể hiện phù hợp với mục đích và đối tượng giao tiếp để truyền tải thông điệp về mỹ thuật. HS sử dụng ngôn ngữ mỹ thuật (ý tưởng, hình ảnh, đường nét, màu sắc, bố cục, chất liệu...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường thực hiện giao lưu, chia sẻ ý tưởng, quan điểm nghệ thuật, phê bình nghệ thuật... HS phát triển được khả năng giao tiếp và hợp tác thông qua trao đổi, chia sẻ thông tin từ sản phẩm/tác phẩm mỹ thuật, góp phần sáng tạo mỹ thuật và phát triển văn hóa.
NL quan sát, khám phá	HS có thói quen quan sát, khám phá những hiện tượng tự nhiên, xã hội. Biểu lộ những quan tâm về cuộc sống xung quanh bằng cách đặt câu hỏi và tạo ra các tác phẩm nghệ thuật. Thể hiện sự tò mò và phát triển trí tưởng tượng cũng như hình thành được những ý tưởng mới trong tạo hình. Nhận biết được giá trị của những phát hiện mới trong khám phá, tìm tòi. Biết sử dụng kết quả khám phá đó vào mục đích tạo hình.	Quan sát từ tổng thể đến chi tiết đối tượng; khám phá được sự thay đổi, khác biệt của sự vật, hiện tượng... trong tự nhiên; Thực hiện thu thập, phân tích, so sánh và quyết định chọn lọc hình ảnh phục vụ học tập Mỹ thuật. Hình thành óc quan sát nhạy bén trước sự vật, hiện tượng và vẻ đẹp của tự nhiên. Có thói quen ghi nhớ và xâu chuỗi những hình ảnh liên quan đến mỹ thuật, vận dụng vào học tập. Sản phẩm tạo hình thể hiện vẻ đẹp sinh động của cuộc sống. HS khám phá được nhiều cách thể hiện của nghệ thuật tạo hình. Sử dụng vật liệu khác nhau trong nghệ thuật tạo hình một cách say mê thích thú. Sản phẩm nghệ thuật mang tính ứng dụng, phản ánh được thế giới quan sinh động.

5. Kết luận

Từ chuỗi NL chuyên biệt và đặc điểm của từng NL, chúng ta có thể hình dung được kiến thức, KN, thái độ



(yếu tố đầu vào) cần thể hiện trong chương trình môn học; xác định yêu cầu cho mỗi cấp học, phương pháp - hình thức tổ chức các hoạt động dạy học, kiểm tra ĐG... phù hợp. Đảm bảo hình thành được NL môn học cũng như phát triển tốt NL cho HS trong các bối cảnh thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Trong chương trình giáo dục phổ thông mới)* - Dự thảo.

[2]. Hoàng Hòa Bình, *Năng lực và cấu trúc của năng*

lực, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 117, tháng 6/2015.

[3]. Nguyễn Thị Hạnh (Chủ nhiệm), *Phương pháp thiết kế chuẩn kết quả của môn học đối với cấp học, lớp học của giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nhiệm vụ cấp Bộ, mã số B.2014 - NV01.

[4]. Lương Việt Thái (Chủ nhiệm), *Phát triển chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực người học*, Đề tài cấp Bộ, mã số: B.2008 - 37 - 52 TĐ.

[5]. Một số Chương trình giáo dục phổ thông (môn Mĩ thuật) các nước: Bỉ, Canada/Quebec (2004), Đan Mạch, Hàn Quốc (2007), Nga, Pháp, Singapore và Việt Nam.

SOME SPECIALIZED AESTHETIC COMPETENCIES IN THE NEW SCHOOL CURRICULUM

Bach Ngoc Diep - Email: bachdiep.vkh@gmail.com

Ta Kim Chi - Email: takimchi1310@gmail.com

The Vietnam Institute of Educational Sciences

Abstract: *In the new school curriculum, the Arts subject focuses on a number of competencies that need to be developed for students throughout their studies. Such competencies as aesthetic sensibility, creative power, artistic communication capacity, analytical capability, observation and exploration capability, digital imaging capabilities are well shown in of objectives and content of the curriculum, in teaching methods, evaluation of student learning outcomes, in learning materials as well as in the implementation of arts education programs. Hence, in the new school curriculum, the Arts subject ensures to form the subject capability and to develop well students' abilities in their real lives.*

Keywords: *Specialised competence; Arts subject; curriculum; general education.*